

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 104

LUẬN THA TÂM TRÍ (Phần 6)

Hỏi: Những người Dự lưu, đối với điên đảo, mấy loại đã đoạn, mấy loại chưa đoạn?

Đáp: Tất cả đã đoạn.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Có mười hai điên đảo, tám loại chỉ là do kiến mà đoạn, bốn loại gồm chung do tu àm đoạn. Như Luận giả Phân Biệt đã nói.

Hỏi: Vị ấy dựa vào Lượng nào mà đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Bởi vì dựa vào kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Đối với Vô thường khởi lên tưởng điên đảo-tâm điên đảo-kiến điên đảo cho là Thường; đối với Khổ khởi lên Lạc, đối với Vô ngã khởi lên Ngã, đối với bất tịnh khởi lên Tịnh, là tưởng điên đảo-tâm điên đảo-kiến điên đảo.” Vì vậy cho nên biết tất cả điên đảo có mười hai loại, trong đó tám loại chỉ do kiến mà đoạn, đó là trong Thường-Ngã đều giữ lấy ba loại, trong Lạc-Tịnh đều chỉ giữ lấy kiến điên đảo; bốn loại gồm chung do tu mà đoạn, đó là trong Lạc-Tịnh đều giữ lấy tưởng điên đảo và tâm điên đảo. Trong này, do kiến mà đoạn, là lúc Khổ loại trí nhãn hiện rõ ở trước mắt thì mới đoạn hoàn toàn; do tu mà đoạn, là lúc Định Kim cang dụ hiện rõ ở trước mắt thì mới đoạn hoàn toàn. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày các điên đảo chỉ có bốn loại, chỉ do kiến mà đoạn, cho nên soạn ra phần luận này. Nghĩa là ở đây hỏi rằng những người Dự lưu đối với bốn điên đảo, có mấy loại đã đoạn-mấy loại chưa đoạn, tức là ngăn chặn điên đảo có mười hai loại; ở đây lại đáp rằng tất cả đã đoạn, tức là ngăn chặn điên đảo gồm chung do tu mà đoạn, bởi vì không có Dự lưu đã đoạn pháp do tu mà đoạn. Vả lại, nếu điên đảo có mười hai loại

bao gồm do tu mà đoạn thì trái với kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Nếu người điên đảo do bốn loại điên đảo, thì nên biết kẻ ấy là ngu phu dị sinh.” Kinh này đã nói có bốn loại điên đảo, nên biết điên đảo không phải là mười hai loại. Đã nói người điên đảo do điên đảo, thì nên biết kẻ ấy là ngu phu dị sinh, cần phải biết là điên đảo không phải do tu mà đoạn.

Hỏi: Nếu các điên đảo chỉ có bốn loại, thì kinh do Luận giả Phân biệt đã dẫn chứng nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Hai loại tưởng và tâm thật sự không phải là điên đảo, nhưng bởi vì thân cận với điên đảo, tương ứng với điên đảo, cho nên cũng gọi là điên đảo.

Hỏi: Nếu như vậy thì các rạm sở pháp như Thọ..., cũng nên gọi là điên đảo, bởi vì loại ấy có nghĩa tương tự với tâm và tưởng?

Đáp: Thế gian chỉ đối với hai loại tâm-tưởng mà nói đến tên gọi điên đảo, không phải là Thọ-Tư..., cho nên chỉ nói tâm-tưởng điên đảo, vì vậy Đức Phật thuận theo thế tục mà nói pháp.

Hỏi: Bốn loại điên đảo này tự tánh là gì?

Đáp: Kiến là tự tánh.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong năm kiến có mấy kiến làm tự tánh?

Đáp: Loại này dùng hai kiến rười do kiến khổ mà đoạn để làm tự tánh, đó là Hữu thân kiến-kiến thủ toàn phần và Thường kiến trong Biên chấp kiến; hai kiến rười không phải là tự tánh điên đảo, đó là Tà kiến-Giới cấm thủ toàn phần và Đoạn kiến trong Biên chấp kiến.

Có người đưa ra cách nói này: Bốn loại điên đảo này ở trong năm kiến thì ba kiến đều lấy một phần để làm tự tánh, đó là Ngã kiến trong Hữu thân kiến là tự tánh của Ngã điên đảo chứ không phải là Ngã sở kiến, Thường kiến trong Biên chấp kiến là tự tánh của Thường điên đảo chứ không phải là Đoạn kiến, kiến chấp về Lạc-Tịnh do kiến Khổ mà đoạn trong Kiến thủ là tự tánh của Lạc-Tịnh điên đảo chứ không phải là Kiến thủ nào khác.

Hỏi: Vì sao chỉ riêng loại này là điên đảo?

Đáp: Bởi vì ba sự cho nên kiến lập điên đảo:

1. Vì tánh suy đoán.
2. Vì tăng thêm sai lạc.
3. Vì luôn luôn trái ngược.

Tà kiến thuộc Đoạn kiến tuy là tánh suy đoán và luôn luôn trái ngược, mà không phải là tăng thêm sai lạc, bởi vì chuyển thành sự việc hư hoại. Giới cấm thủ tuy là tánh suy đoán và tăng thêm sai lạc, mà

không phải là luôn luôn trái ngược, bởi vì cũng chuyển đổi với phần ít của thật xứ. Nghĩa là có lúc đạo của cõi Sắc có thể làm sạch cõi Dục có lúc đạo của cõi Sắc có thể làm sạch cõi Sắc, có lúc đạo của địa trên có thể làm sạch địa dưới, bởi vì nghĩa tương tự với đạo vô lậu đoạn nhiễm-chứng diệt.

Như vậy gọi là bốn tánh-tướng phần-tự Thể-ngã vật-tự tánh của diên đảo. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là diên đảo, diên đảo là nghĩa gì?

Đáp: Diên đảo mà chuyển đổi với lý của Đế thô thiển, cho nên gọi là diên đảo, vì vậy bốn diên đảo này chỉ do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Vì sao bốn diên đảo chỉ do kiến khổ mà đoạn?

Đáp: Bởi vì loại này chỉ chuyển từ nơi khổ, cho nên lúc thấy khổ đế thì loại này liền vĩnh viễn đoạn mất.

Lại nữa, bởi vì loại này chỉ chuyển từ nơi quả, cho nên nếu lúc thấy quả thì loại này liền vĩnh viễn đoạn mất.

Lại nữa, bốn diên đảo này có lúc là Hữu thân kiến, có lúc dựa vào Hữu thân kiến, lúc Hữu thân kiến đoạn mất thì những loại còn lại cũng đoạn theo, bởi vì đối trị giống nhau. Vì vậy bốn diên đảo này chỉ do kiến khổ mà đoạn.

Lại nữa, Khổ đế hiển bày thô thiển, từ trong đó mê lầm sai lạc rất nặng, Hiền thánh đã chỉ trích cho nên kiến lập diên đảo; ba Đế ẩn kín sâu xa, từ trong đó mê lầm sai lạc không phải là rất nặng, không đáng bị chỉ trích cho nên không kiến lập diên đảo. Như người giữa ban ngày mà té nhào nơi đất bằng, mọi người cùng chê trách cười nhạo, chứ không phải là nơi đèo dốc giữa đêm tối.

Lại nữa, các sư Du-già hiện quán về Khổ rồi tâm không còn diên đảo, cho nên lúc thấy Khổ thì diên đảo đều đoạn mất. Giả sử thấy khổ rồi mà chưa thấy ba Đế khác, thì liền ra khỏi hiện quán. Nếu có người hỏi rằng: Năm Thủ uẩn này là Thường hay Vô thường? Vị ấy liền trả lời chắc chắn: Đều là Vô thường, bởi vì sau một sát-na nhất định không dừng lại. Nếu lại hỏi rằng: Năm Thủ uẩn này là vui hay là khổ? Vị ấy liền trả lời chắc chắn: Tất cả đều là khổ, giống như viên sắt nóng. Nếu hỏi lại rằng: Năm Thủ uẩn này là tịnh hay là bất tịnh? Vị ấy liền trả lời chắc chắn: Đều là bất tịnh giống như đống rác rưởi dơ bẩn. Nếu lại hỏi rằng: Năm Thủ uẩn này có Ngã hay không có Ngã? Vị ấy liền trả lời chắc chắn: Đều không có Ngã, chắc chắn không có kẻ tạo tác, không có kẻ sai bảo tạo tác, cũng không có kẻ nhận lấy, không có kẻ sai bảo nhận lấy, chỉ có một tập hợp hoạt động trống rỗng, cho nên bốn diên

đảo chỉ do kiến Khổ mà đoạn, bởi vì lúc Khổ loại trí phát sinh thì tất cả đã đoạn mất.

Hỏi: Nếu như vậy thì cũng có người Tùy tín hành-Tùy pháp hành, đã đoạn bốn điên đảo này, tại sao trong này không nói, mà chỉ nói là những người Dự lưu đã đoạn tất cả?

Đáp: Nên nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, người Tùy tín hành-Tùy pháp hành có tướng sai biệt; có lúc đã đoạn hết, đó là Khổ loại trí đã sinh; có lúc chưa đoạn hết, đó là Khổ loại trí chưa sinh, vì vậy nên không nói. Những người Dự lưu không có tướng sai biệt, bởi vì đều đã đoạn, cho nên trong này nói đến.

Lại nữa, muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định, cho nên chỉ nói đến Dự lưu. Nghĩa là người Dự lưu, hãy còn nuôi giữ vợ con, sử dụng đồ nằm tuyệt vời, vuốt ve nắm tay người nữ, mặc áo quần tốt đẹp, thoa ướp hương thơm-trang điểm xinh đẹp, sai khiến tôi tớ hầu hạ, đánh đập-trói giữ các loài hữu tình, cùng với các dị sinh có cách nhìn sinh ra ngờ vực chưa đoạn điên đảo, vì thế cho nên nói họ đã đoạn điên đảo. Nhất lai dựa theo đây cho nên không nói riêng ra. Những người Tùy tín hành-Tùy pháp hành, tâm thiện hữu lậu hãy còn không hiện khởi, huống là hiện khởi lên tâm nhiễm ô-vô phú vô ký, đối với họ không có nghi ngờ vì thế cho nên không nói.

Hỏi: Dự lưu-Nhất lai, đối với cảnh của năm dục, lúc khởi lên ái nhiễm, là khởi lên tưởng về Lạc-Tịnh, hay là khởi lên tưởng về Khổ-Bất tịnh? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu khởi lên tưởng về Lạc-Tịnh, thì làm sao không phải là điên đảo? Nếu khởi lên tưởng về Khổ-Bất tịnh, thì làm sao đối với cảnh mà khởi lên ái nhiễm?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Dấy khởi tưởng về Lạc-Tịnh.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không phải là điên đảo?

Đáp: Trước đây nói như vậy: Bởi vì ba sự cho nên kiến lập điên đảo. Dự lưu và Nhất lai đối với cảnh mà khởi lên tưởng về Lạc và Tịnh, tuy là tăng thêm sai lạc mà không phải là tánh suy đoán, bởi vì không phải là tánh của kiến; cũng không phải là luôn luôn trái ngược, bởi vì có phần ít của sự thật.

Lại nữa, đối với Đế lý mà khởi lên tưởng về Lạc-Tịnh là do điên đảo đầu nhiếp. Dự lưu và Nhất lai đều đã đoạn hết; đối với sự của cảnh mà khởi lên tưởng về Lạc-Tịnh thì không phải là do điên đảo đầu nhiếp, đối với Dự lưu và Nhất lai hãy còn chưa đoạn hết, cho nên có thể có lúc hiện rõ trước mắt.

Có người đưa ra cách nói này: Dự lưu và Nhất lai đối với cảnh của

năm dục, lúc khởi lên ái nhiễm, đối với cảnh ấy chỉ khởi lên tưởng về Khổ-Bất tịnh.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao khởi lên ái nhiễm?

Đáp: Lúc ấy tuy đối với cảnh biết là Khổ-Bất tịnh, mà tập khí phiền não xuyên suốt từ vô thủy đến nay, đốt cháy thân tâm-nóng bức đau khổ làm cho ép ngặt, bất giác đối với cảnh mà khởi lên ái nhiễm.

Như có con trai Bà-la-môn thích sạch sẽ, có lúc ngón tay mình tiếp xúc với vật không sạch sẽ, đi đến chỗ người thợ rèn tìm lấy lửa làm cho sạch sẽ. Người thợ rèn nói cho biết rằng: May mắn có tro... dùng nước trong rửa ráy thì đủ để có thể làm cho sạch sẽ, sao có thể chịu khổ sở để tìm lấy lửa nung cho sạch? Con trai của Bà-la-môn nói: Tro và nước... rửa ráy không thể nào làm cho sạch được, hãy vì tôi mà lấy lửa làm sạch ngón tay! Thế là người thợ rèn lấy cái kim sắt nóng mà kẹp chặt ngón tay của người ấy, lúc ấy con trai của Bà-la-môn bị lửa nóng khổ đau bức bách, bất giác đưa bàn tay lên ngậm ngón tay vào trong miệng. Người ấy tuy biết đích xác là ngón tay không sạch sẽ, mà khổ đau bức bách cho nên bất giác ngậm vào trong miệng. Dự lưu và Nhất lai khởi lên ái nhiễm cũng như vậy.

Lại nữa, người ấy tuy đối với cảnh biết là Khổ và Bất tịnh, mà tập khí phiền não xuyên suốt từ vô thủy đến nay, đốt cháy thân tâm-nóng bức đau khổ làm cho ép ngặt, vì ngăn chặn cho nên đối với cảnh khởi lên ái nhiễm.

Như người yếu đuối, thân mắc phải ung nhọt lở loét, đau đớn khó chịu nổi, thầy thuốc nói cho biết rằng: Ông nên lấy phân chó tẩm ướt xoa vào ung nhọt thì đau đớn có thể ngừng lại. Người ấy nghe rồi lập tức lấy phân chó xoa vào ung nhọt. Người ấy tuy biết rõ phân chó là dơ bẩn, mà bởi vì ngăn chặn sự đau đớn cho nên lấy để xoa vào. Dự lưu và Nhất lai khởi lên ái nhiễm cũng như vậy, cho nên lúc ấy tuy khởi lên tưởng về Khổ-Bất tịnh, mà đối với năm dục khởi lên sự ái nhiễm.

Những người Dự lưu, đối với ba Tam-ma-địa là Không-Vô nguyện-Vô tướng, thành tựu quá khứ-mấy vị lai-mấy hiện tại?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Quá khứ và vị lai không có tự tánh thật sự. Vì lại có người nói: Không có tánh thành tựu-không thành tựu thật sự. Vì ngăn chặn ý đo mà cần phải hiển bày thật sự có quá khứ-vị lai và tánh thành tựu..., cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời: Vị lai có tất cả, quá khứ nếu đã diệt không mất, hiện tại

nếu hiện rõ ở trước mắt. Trong này, vị lai có tất cả, là thành tựu đầy đủ ba loại; quá khứ nếu đã diệt không mất, là tùy theo một-hai-ba đã diệt bởi vì không phải là luyện căn, mất thì thành tựu quá khứ như vậy; hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt, là nếu tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt thì thành tựu hiện tại là một. Và lại, lúc Đạo loại trí ở sát-na thứ nhất thì không thành tựu quá khứ, bởi vì không có một sát-na nào đã sinh diệt. Đã sinh diệt là đạt được quả mà rời bỏ. Thành tựu vị lai có ba, bởi vì cả ba loại có thể tu. Thành tựu hiện tại có một, đó là Đạo-Vô nguyện, từ đây diệt rồi không mất. Nếu không hiện rõ ở trước mắt thì lúc ấy thành tựu quá khứ có một, đó là Vô nguyện; vị lai có ba; hiện tại có một, đó là Không, từ đây diệt rồi không mất. Nếu Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì lúc ấy thành tựu quá khứ có hai, đó là Không-Vô nguyện; vị lai có ba; hiện tại có một, đó là Vô tướng, từ đây diệt rồi không mất. Nếu ba Tam-ma-địa tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy thành tựu quá khứ-vị lai đều có ba; hiện tại có một, đó là hiện rõ ở trước mắt.

Có ba Tam-ma-địa, đó là Không-Vô nguyện-Vô tướng. Nhưng mà Tam-ma-địa, hoặc nên nói là một, đó là pháp Đại địa trong tâm sở gọi là Tam-ma-địa, lại trong năm Căn gọi là Định căn, trong năm Lực gọi là Định lực, trong bảy Giác chỉ gọi là Định giác chỉ, trong tám Đạo chỉ gọi là Chánh định. Hoặc nên nói là hai, đó là Tam-ma-địa hữu lậu và vô lậu, hoặc là hệ phược và giải thoát, hoặc là Tam-ma-địa hệ thuộc và không hệ thuộc. Hoặc nên nói là ba, đó là ở đây đã nói. Hoặc nên nói là bốn, đó là hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Hoặc nên nói là năm, đó là hệ thuộc ba cõi và Học-Vô học. Nói rộng ra cho đến nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để phân biệt, thì có vô lượng Tam-ma-địa.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao Đức Thế Tôn tăng một mà giảm vô lượng..., kiến lập ba loại Tam-ma-địa?

Đáp: Bởi vì ba duyên cho nên chỉ kiến lập ba loại:

1. Vì đối trị.
2. Vì tâm mong mỏi.
3. Vì sở duyên.

Vì đối trị, đó là bởi vì Tam-ma-địa không là đối trị gần của Hữu thân kiến.

Hỏi: Tam-ma-địa không có hai hành tướng là Không-Vô ngã, Hữu thân kiến có hai hành tướng là Ngã và Ngã sở, trong này dùng hành tướng như thế nào để đối trị hành tướng như thế nào?

Đáp: Dùng hành tướng Vô ngã để đối trị hành tướng Ngã, dùng hành tướng Không để đối trị hành tướng Ngã sở. Lại nữa, dùng hành

tướng Vô ngã để đối trị hành tướng của năm Ngã kiến, dùng hành tướng Không để đối trị hành tướng của mười lăm Ngã sở kiến.

Như đối trị hành tướng của Ngã kiến và Ngã sở kiến, như vậy đối trị hành tướng của mình thấy-do mình thấy, hành tướng là Ngã-thuộc về Ngã, hành tướng là mình-thuộc về mình, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, dùng hành tướng Vô ngã để đối trị Ngã ái, dùng hành tướng Không để đối trị Ngã sở ái.

Như đối trị Ngã ái và Ngã sở ái, như vậy đối trị ái bản thân-ái của bản thân, si về Ngã-do si về Ngã, si bản thân-si của bản thân..., nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, dùng hành tướng Vô ngã để đối trị hành tướng chấp Uẩn là Ngã, dùng hành tướng Không để đối trị hành tướng chấp trong Uẩn có Ngã.

Như đối trị hành tướng chấp Uẩn là Ngã-chấp trong Uẩn có ngã, như vậy đối trị hành tướng chấp Xứ là Ngã-chấp trong Xứ có Ngã, chấp Giới là Ngã-chấp trong Giới có Ngã, hoặc là chung-hoặc là riêng thì hành tướng nên biết cũng như vậy.

Vì tâm mong mỗi, đó là tâm mong mỗi của các hành giả tu tập Tam-ma-địa Vô nguyện, bởi vì không mong pháp của ba cõi (Hữu).

Hỏi: Hành giả đối với Thánh đạo cũng không mong mỗi chẳng?

Đáp: Tuy đối với Thánh đạo không phải là hoàn toàn không mong mỗi, mà tâm mong mỗi ấy không mong muốn Thánh đạo của ba cõi, bởi vì dựa vào cõi cho nên cũng không mong muốn. Lại tâm mong mỗi ấy không mong muốn Thánh đạo của năm Uẩn, bởi vì đều là Uẩn cho nên cũng không mong muốn. Lại tâm mong mỗi ấy không mong muốn Thánh đạo của ba đời, bởi vì rơi vào thời gian cho nên cũng không mong muốn. Lại tâm mong mỗi ấy không mong muốn Thánh đạo của mọi khổ đau, bởi vì cùng với khổ lần lượt chuyển đổi nối tiếp nhau cho nên cũng không mong muốn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao tu Thánh đạo?

Đáp: Vì hướng đến Niết-bàn cho nên tu Thánh đạo, nghĩa là hành giả tu tập dấy lên tư duy này: Niết-bàn tuyệt đối nhờ vào đâu để hưởng đến chứng được? Tư duy rồi chắc chắn biết cần phải nhờ vào Thánh đạo, cho nên tuy không mong muốn mà cần phải tu tập. Như vượt qua dòng thác chảy xiết, cần phải nhờ vào thuyền bè.

Vì sở duyên, nghĩa là Tam-ma-địa Vô tướng, bởi vì sở duyên của Định này liả bỏ mười tướng, đó là liả bỏ Sắc-Thanh-Hương-Vị-Xúc và tướng nam-nữ-ba pháp hữu vi. Lại nữa, Uẩn gọi là tướng, sở duyên

của Định này lìa bỏ các tướng của Uẩn, cho nên gọi là Vô tướng. Lại nữa, Thế gọi là tướng, tướng của tên gọi trước-sau, tướng của tên gọi Thượng-Trung-Hạ..., sở duyên của Định này lìa bỏ tướng của Thế..., cho nên gọi là Vô tướng.

Có người đưa ra cách nói này: Ba Tam-ma-địa đều do đối trị sai biệt mà kiến lập, đó là Tam-ma-địa Không đối trị gần của Hữu thân kiến, Tam-ma-địa Vô nguyện đối trị gần của Giới cấm thủ, Tam-ma-địa Vô tướng đối trị gần của Nghi, từ đây làm đầu tiên để đối trị với tất cả.

Lại có người nói: Ba Tam-ma-địa đều dựa vào hành tướng sai biệt mà kiến lập, đó là Tam-ma-địa Không có hai hành tướng là Không-Vô ngã, Tam-ma-địa Vô nguyện có hai hành tướng là Khổ-Vô thường và Tập-Đạo đều có bốn hành tướng, Tam-ma-địa Vô tướng có bốn hành tướng của Diệt, cho nên Tam-ma-địa chỉ kiến lập ba loại.

Trong luận Thi Thiết ban đầu đưa ra cách nói này: “Tam-ma-địa Không là Không, chứ không phải là Vô nguyện-Vô tướng; Tam-ma-địa Vô nguyện là Vô nguyện, chứ không phải là Không-Vô tướng; Tam-ma-địa Vô tướng là Vô tướng, chứ không phải là Không-Vô nguyện. Nguyên cố thế nào? Bởi vì hành tướng của ba loại này khác nhau.”

Ngay trong luận ấy tiếp theo đưa ra cách nói này: “Tam-ma-địa Không là Không cũng là Vô nguyện chứ không phải là Vô tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện là Vô nguyện cũng là Không chứ không phải là Vô tướng, Tam-ma-địa Vô tướng chỉ là Vô tướng chứ không phải là Không-Vô nguyện.”

Hỏi: Vì sao Không-Vô nguyện lần lượt chuyển đổi tướng, mà Vô tướng chỉ đứng một mình?

Đáp: Dựa vào ban đầu đạt được có giống nhau và khác nhau, nghĩa là nếu dựa vào Tam-ma-địa Không tiến vào Chánh tánh ly sinh, hiện quán về khổ trong bốn tâm thì cũng tu Vô nguyện; nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện tiến vào Chánh tánh ly sinh, hiện quán về Khổ trong bốn tâm thì cũng tu Không; vì vậy Không-Vô tướng lần lượt chuyển đổi tướng cũng bắt đầu đạt được, Vô tướng tu tự mình chứ không phải là loại khác.

Lại nữa, dựa vào đối trị ban đầu có giống nhau và khác nhau, nghĩa là Không-Vô nguyện lúc ban đầu đối trị, cùng có năng lực đối trị những phiền não do kiến về Khổ mà đoạn; Vô tướng lúc ban đầu đối trị, chỉ có năng lực đối trị những phiền não do kiến Diệt mà đoạn.

Ngay trong luận ấy lại đưa ra cách nói này: “Tam-ma-địa Không

là Không cũng là Vô nguyện-Vô tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện là Vô nguyện cũng là Không-Vô tướng, Tam-ma-địa Vô tướng là Vô tướng cũng là Không-Vô nguyện.”

Hỏi: Ba loại này tại sao mỗi một loại có đủ ba?

Đáp: Bởi vì tự Thể của mỗi một loại có ba nghĩa, đó là mỗi một loại này không phải là thường còn-không phải là luôn luôn có-không phải là không thay đổi, không phải là Ngã và Ngã sở, cho nên đều gọi là Không; không mong muốn sinh trưởng tham sân si... và quả báo của đời sau, cho nên đều gọi là Vô nguyện; lia bỏ bảy loại tướng là Sắc-Thanh-Hương-Vị-Xúc-Nữ-Nam, cho nên đều gọi là Vô tướng.

Đó gọi là bốn tánh-tướng phần-tự Thể-ngã vật-tự tánh của ba Tam-ma-địa. Đã nói về tự tánh, nguyên cớ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Tam-ma-địa, Tam-ma-địa là nghĩa gì?

Đáp: Bởi vì ba duyên cho nên gọi là Tam-ma-địa:

1. Vì bình đẳng.
2. Vì thâm nhiếp giữ gìn.
3. Vì tương tự nối tiếp nhau.

Vì bình đẳng, nghĩa là từ vô thủy đến nay, phiền não ác hạnh-tà kiến điên đảo, làm cho tâm-tâm sở sai lầm lệch lạc mà chuyển, nhờ vào Định lực này làm cho tâm sở đối với cảnh thẳng thắn bình đẳng mà chuyển, cho nên gọi là Tam-ma-địa.

Vì thâm nhiếp giữ gìn, nghĩa là từ vô thủy đến nay, tâm-tâm sở pháp rong ruổi phân tán theo cảnh, nhờ vào Định lực này làm phương tiện thâm nhiếp giữ gìn khiến trú vào một cảnh, cho nên gọi là Tam-ma-địa.

Vì tương tự nối tiếp nhau, nghĩa là từ vô thủy đến nay, tâm-tâm sở pháp thiện-nhiễm-vô ký khác chủng loại nối tiếp nhau, nhờ vào Định lực này trước-sau cùng một chủng loại chỉ là thiện nối tiếp nhau, cho nên gọi là Tam-ma-địa.

Lại nữa, bởi vì ba duyên cho nên gọi là Tam-ma-địa, đó là vì trú vào một cảnh, vì nối tiếp nhau an trú, vì suy xét chính xác.

Lại nữa, bởi vì ba duyên cho nên gọi là Tam-ma-địa, đó là vì có năng lực giữ thân khiến cho bình đẳng, vì thâm nhiếp các pháp thiện khiến cho không phân tán, vì có năng lực khiến cho tâm thiện bình đẳng mà chuyển.

Lại nữa, bởi vì ba duyên cho nên gọi là Tam-ma-địa, đó là vì đối với sở duyên luôn luôn không rời bỏ, vì duy trì giữ gìn các loại pháp thiện thù thắng, vì làm cho Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na trú vào một sở

duyên bình đẳng mà chuyển.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Vì sao gọi là Tam-ma-địa? Bởi vì thâm nhiếp giữ gìn nhiều loại tâm-tâm sở thiện, khiến cho đối với một cảnh bình đẳng nối tiếp nhau, cho nên gọi là Đẳng trì.” Lại đưa ra cách nói này: “Có năng lực giữ gìn bình đẳng, cho nên gọi là Đẳng trì. Như có năng lực giữ gìn trẻ thơ cho nên gọi là giữ gìn, trẻ thơ thì có thể giữ gìn nước uống cho nên gọi là người giữ gìn nước uống, có thể giữ gìn cái cân cho nên gọi là người giữ gìn cái cân. Ở đây cũng như vậy, có năng lực giữ gìn các loại pháp bình đẳng thù thắng cho nên gọi là Đẳng trì.”

Đại đức nói rằng: “Ngay nơi Đẳng trì này cũng gọi là Đẳng trì. Loại này lại có nhiều loại, đó là pháp thiện Đẳng chí, pháp bất thiện Đẳng chí, pháp vô ký Đẳng chí, chín thứ tự Đẳng chí, hai loại một cùng hợp lại cũng gọi là Đẳng chí. Ở trong nghĩa này, chỉ nói có năng lực giữ gìn tâm-tâm sở thiện, làm cho nó nối tiếp nhau bình đẳng àm chuyển cho nên gọi là Đẳng trì, bất thiện-vô ký... không phải là ở đây đã nói.”

Ba Tam-ma-địa, về cõi thì nếu hữu lậu là ba cõi, nếu vô lậu thì không hệ thuộc. Về địa, nếu hữu lậu thì thuộc về mười một địa, nếu vô lậu thì thuộc về chín địa. Về sở y, thì dựa vào ba cõi nối tiếp nhau. Về hành tướng thì Tam-ma-địa Không có hai hành tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện có mười hành tướng, Tam-ma-địa Vô tướng có bốn hành tướng.

Hỏi: Các Tam-ma-địa Không đều làm hành tướng không mà chuyển chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Tam-ma-địa Không nhưng không phải là làm hành tướng Không mà chuyển, đó là Tam-ma-địa Không làm hành tướng Vô ngã mà chuyển.

2. Có lúc làm hành tướng Không mà chuyển nhưng không phải là Tam-ma-địa Không, đó là hành tướng Không chuyển các pháp tướng ứng với Tam-ma-địa Không.

3. Có lúc Tam-ma-địa Không cũng làm hành tướng Không mà chuyển, đó là hành tướng không chuyển Tam-ma-địa Không.

4. Có lúc không phải là Tam-ma-địa Không cũng không phải làm hành tướng Không mà chuyển, đó là nếu chỉ nói đến chủng loại này, thì tức là hành tướng Vô ngã chuyển các pháp tướng ứng với Tam-ma-địa Không, nếu không chỉ nói đến chủng loại này thì tức là trừ ra những tướng trước.

Như chuyển làm thành bốn câu phân biệt, đã chuyển-sẽ chuyển nên biết cũng như vậy. Như hành tướng không làm thành ba loại bốn câu phân biệt, hành tướng Vô ngã nên biết cũng như vậy.

Như vậy Tam-ma-địa Không có sau loại bốn câu phân biệt, Tam-ma-địa Vô nguyện có ba mươi loại bốn câu phân biệt, Tam-ma-địa Vô tướng có mười hai loại bốn câu phân biệt. Như vậy Tam-ma-địa tổng có bốn mươi tám loại bốn câu phân biệt.

VỀ sở duyên, Tam-ma-địa Không, nếu là hữu lậu thì duyên với tất cả các pháp, nếu là vô lậu thì chỉ duyên với Khổ đế; Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với ba Đế, trừ ra Diệt đế; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với Diệt đế. Về niêm trú, Tam-ma-địa Không Vô nguyện đều có bốn niêm trú đic ùng, Tam-ma-địa Vô tướng chỉ riêng Pháp niêm trú đi cùng. Về trí, Tam-ma-địa Không có bốn trí đi cùng, đó là Pháp-Loại-Khổ-Thế tục trí; Tam-ma-địa Vô nguyện có bảy trí đi cùng, trừ ra Diệt trí; Tam-ma-địa Vô tướng có bốn trí đi cùng, đó là Pháp-Loại-Diệt-Thế tục trí. Về Tam-ma-địa thì tức là Tam-ma-địa. Về căn tương ứng, là tương ứng với ba căn, đó là Lạc-Hỷ-Xả. Về ba đời, đều là ba đời. Duyên với ba đời, Tam-ma-địa Không nếu là hữu lậu thì duyên với ba đời và tách rời thời gian, nếu là vô lậu cùng với Tam-ma-địa Vô nguyện thì duyên với ba đời, Tam-ma-địa Vô tướng duyên với tách rời thời gian. Thiện-bất thiện và vô ký, thì đều là thiện. Duyên với thiện-bất thiện và vô ký, Tam-ma-địa Không và Vô nguyện duyên với ba loại, Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với thiện. Hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, nếu hữu lậu thì hệ thuộc ba cõi, nếu vô lậu thì không hệ thuộc. Duyên với hệ thuộc ba cõi và Không hệ thuộc, Tam-ma-địa Không nếu hữu lậu thì duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, nếu vô lậu thì chỉ duyên với hệ thuộc ba cõi; Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với không hệ thuộc. Học-Vô học và Phi học phi Vô học, đều gồm chung ba loại. Duyên với Học-Vô học và Phi học Phi Vô học, Tam-ma-địa không nếu hữu lậu thì duyên với ba loại, nếu vô lậu thì chỉ duyên với Phi học phi Vô học; Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với ba loại; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với Phi học phi Vô học. Do kiến-tu mà đoạn và không đoạn, nếu hữu lậu thì đều do tu mà đoạn, nếu vô lậu thì đều không đoạn. Duyên với kiến-tu mà đoạn và không đoạn, Tam-ma-địa Không nếu hữu lậu thì duyên với ba loại, nếu vô lậu thì chỉ duyên với kiến-tu mà đoạn; Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với ba loại; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với Không đoạn. Duyên với danh-duyên với nghĩa,

Tam-ma-địa Không và Vô nguyện duyên chung với danh và nghĩa, Tam-ma-địa Vô tướng duyên với nghĩa. Duyên với Tự tướng tục-Tha tướng tục và Phi tướng tục, Tam-ma-địa Không nếu là hữu lậu thì duyên với ba loại, nếu là vô lậu và Tam-ma-địa Vô nguyện thì chỉ duyên với Tự-Tha tướng tục; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với Phi tướng tục. Gia hạnh đắc và ly nhiễm đắc, đều gồm chung hai loại. Từng đạt được và chưa từng đạt được, đều gồm chung hai loại.

Ba Tam-ma-địa này cũng gọi là Giải thoát môn.

Hỏi: Tam-ma-địa cùng với Giải thoát môn có gì sai biệt?

Đáp: Tam-ma-địa gồm chung hữu lậu và vô lậu, Giải thoát môn chỉ riêng vô lậu.

Hỏi: Vì sao Giải thoát môn chỉ riêng vô lậu?

Đáp: Bởi vì hữu lậu có ràng buộc làm Giải thoát môn thì không hợp lý.

Hỏi: Dựa vào nghĩa nào thiết lập Giải thoát môn? Là dựa theo tiến vào Chánh tánh ly sinh, hay là dựa theo không còn lậu? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu dựa theo tiến vào Chánh tánh ly sinh để thiết lập Giải thoát môn, thì lẽ ra chỉ riêng Khổ pháp trí nhãn tương ưng với Định gọi là Giải thoát môn? Nếu dựa theo không còn lậu để thiết lập Giải thoát môn, thì lẽ ra chỉ riêng Định Kim cang dụ gọi là Giải thoát môn?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Cùng dựa theo hai nghĩa để thiết lập Giải thoát môn. Nhưng Giải thoát môn thâm nhiếp toàn bộ tất cả các Định vô lậu, nghĩa là tất cả Thánh đạo đều gọi là Chánh tánh ly sinh, lúc đạt được tất cả Thánh đạo thì đều gọi là tiến vào (Nhập), lúc đoạn dứt các lậu thì đều gọi là không còn lậu. Bốn Đạo cùng Định đều có nghĩa của không còn (Tận). Như Thế đệ nhất pháp không gián đoạn, lúc Khổ pháp trí nhãn hiện rõ ở trước mắt, đạt được Tam-ma-địa Không gọi là tiến vào Chánh tánh ly sinh; Hiện quán về Khổ không gián đoạn, lúc Hiện quán về Tập hiện rõ ở trước mắt, đạt được Tam-ma-địa Vô nguyện, cũng gọi là tiến vào Chánh tánh ly sinh; Hiện quán về Tập không gián đoạn, lúc Hiện quán về Diệt hiện rõ ở trước mắt, đạt được Tam-ma-địa Vô tướng, cũng gọi là tiến vào Chánh tánh ly sinh. Phần vị khác không gián đoạn, lúc khởi lên Định vô lậu, nên biết cũng như vậy. Trong phần vị Kiến đạo tách biệt dấy khởi ba Tam-ma-địa vô lậu, tách biệt không còn các lậu; trong phần vị Tu đạo tổng quát dấy khởi ba Tam-ma-địa vô lậu, tổng quát không còn các lậu; trong phần vị Vô học tổng quát dấy khởi ba Tam-ma-địa vô lậu, tổng quát ngăn chặn các lậu, cũng gọi là không còn lậu. Vì thế cho nên Giải thoát môn thâm nhiếp

toàn bộ các Định vô lậu.

Hỏi: Vì sao gọi là Giải thoát môn?

Đáp: Niết-bàn gọi là Giải thoát, dựa vào ba Tam-ma-địa này, có năng lực hướng đến chứng Giải thoát, cho nên gọi là Giải thoát môn. Lại nữa, như lá chắn dàn hàng ngang cho nên gọi là Giải thoát môn. Như lúc đánh trận, trước tiên dùng lá chắn dàn hàng ngang để phòng ngừa quân thù, sau dùng kiếm sắc chặt đầu quân thù, khiến cho rơi trên chiến trường, tùy theo ý muốn mà hướng về. Như vậy, hành giả cùng với quân thù phiền não, lúc cùng nhau đánh trận, trước tiên dùng ba Giải thoát môn làm lá chắn dàn hàng ngang để phòng ngừa quân thù phiền não, sau dùng gươm Tuệ vô lậu chặt đầu của tánh thành tựu phiền não, làm cho rơi xuống mặt đất của tánh không thành tựu, như mong muốn vốn có mà hướng về Niết-bàn.

Như trong kinh nói: “Định là Chánh đạo, không Định là tà đạo, tâm Định được giải thoát chứ không phải là tâm không Định.” Vì thế cho nên ba Tam-ma-địa vô lậu là Giải thoát môn chứ không phải là Định hữu lậu.

Trong luận Thi Thiết nói: “Không có nhiều loại, đó là nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, hữu vi Không, vô vi Không, vô biên tế Không, bốn tánh Không, vô sở hành Không, thắng nghĩa không, Không Không.” Mười loại Không như vậy, như nơi khác phân biệt nhiều.

Hỏi: Vì sao các nơi phân biệt nhiều về Không?

Đáp: Bởi vì hành tướng Không là đối trị gần của hai mươi loại Tát-ca-da kiến, hai mươi loại Tát-ca-da kiến ấy luôn luôn làm căn bản của tất cả phiền não, tuôn chảy vào sinh tử mà không hướng về Niết-bàn. Bởi vì sai lầm tai họa tăng lên, cho nên nói nhiều về pháp đối trị gần của chúng.

Như trong kinh nói: “Nếu đệ tử bậc Thánh, thành tựu đầy đủ chuỗi ngọc (Man) của ba Đăng trì, thì có năng lực đoạn hết tất cả pháp ác bất thiện, tu tập pháp thiện amuc hóng được trọn vẹn đầy đủ.”

Hỏi: Vì sao Đăng trì gọi là chuỗi ngọc?

Đáp: Bởi vì tánh đoạn nghiêm, bởi vì đáng yêu thích. Như người trẻ trung trên đầu đội mũ kết vòng hoa tươi đẹp, hình dáng diện mạo đoạn nghiêm làm cho mọi người yêu thích; như vậy, Thánh giả đội mũ gắn chuỗi ngọc Đăng trì, công đức trang nghiêm làm cho trời-người kính yêu.

Lại như người trên đầu đội mũ kết vòng hoa tươi đẹp, không bị gió mạnh làm cho rối tung mái tóc của mình; như vậy Thánh giả đội mũ

gắn chuỗi ngọc Đẳng trì, các công đức thù thắng xoay chuyển không thể nào làm cho rối loạn.

Lại như người trên đầu đội mũ kết vòng hoa tươi đẹp, tùy nơi đã đi qua thu được nhiều lợi ích tốt đẹp; như vậy, Thánh giả đội mũ gắn chuỗi ngọc Đẳng trì, ở trong các phần vị đạt được nhiều công đức. Các phần vị nghĩa là tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-lia niêm-vĩnh viễn không còn các lậu.

Lại như dùng dây tơ hết hoa làm thành vòng hoa, có thể khiến cho những đóa hoa bền lâu không bị rời ra hư hoại; như vậy, Định thù thắng giữ gìn các công đức, tuy trải qua thời gian dài mà không mất mát hư hoại, vì thế cho nên nói pháp này gọi là chuỗi ngọc của Đẳng trì.

Lại như dùng dây tơ khâu qua những cánh hoa, thế gian từ trong đó cùng sinh ra ý tưởng chuỗi ngọc; như vậy, Thánh giả dùng ba Đẳng trì thâm nhiếp các công đức, chư Thiên và loài người đối với pháp này cùng sinh ra ý tưởng chuỗi ngọc của Đẳng trì.

Lại như dùng chỉ tơ khâu qua những cánh hoa treo vào một nơi, thế gian từ trong đó khởi lên ý tưởng đeo khâu chuỗi ngọc; như vậy, Thánh giả dùng Định thâm nhiếp các tâm thiện buộc vào một cảnh, chư Thiên và mọi người đều nói là Thánh giả đeo khâu chuỗi ngọc của Đẳng trì. Vì thế cho nên Đẳng trì lấy chuỗi ngọc để làm thí dụ.

Như trong kinh nói: “Tam-ma-địa Không là trú xứ của Thượng tọa.”

Hỏi: Vì sao Đức Phật nói Tam-ma-địa Không là trú xứ của Thượng tọa?

Đáp: Bởi vì Thượng tọa phần nhiều trú trong Định Không này, nghĩa là trong ba cõi thì Phật là bậc Thượng tọa công đức thứ nhất phần nhiều trú trong Định Không, Độc giác là bậc Thượng tọa công đức thứ hai cũng phần nhiều trú trong Định Không, Tôn giả Xá-lợi-tử là bậc Thượng tọa công đức thứ ba cũng phần nhiều trú trong Định Không. Các vị Đại Thanh văn như Mục-kiền-liên... cũng gọi là Thượng tọa, các vị ấy cũng phần nhiều trú trong Tam-ma-địa Không, cho nên nói Định Không này là trú xứ của Thượng tọa.

Lại nữa, Tam-ma-địa Không là trú xứ bất cộng của các Thánh giả nội đạo, tất cả Thánh giả nội đạo đều là Thượng tọa, tất cả ngoại đạo đều là trẻ thơ. Nghĩa là trong pháp của nội đạo thì người tám tuổi cũng gọi là Thượng tọa, bởi vì thành tựu công đức của pháp Thượng tọa; trong pháp của ngoại đạo thì người tám tuổi cũng gọi là trẻ thơ, bởi vì thành tựu sai lầm theo pháp trẻ thơ.

Hỏi: Ngoại đạo lẽ nào có Vô nguyện-Vô tướng, mà chỉ nói Không là pháp bất cộng?

Đáp: Trong pháp của ngoại đạo tuy Không có Vô nguyện-Vô tướng chân thật, mà có tướng tự, nghĩa là những hành tướng thô thiển... tương tự với Vô nguyện, những hành tướng vắng lặng... tương tự với Vô tướng. Trong pháp của chín mươi sáu loại ngoại đạo, hãy còn không có pháp tương tự với Định Không, huống là có chân thật hay sao? Vì thế chỉ nói Định Không là pháp bất cộng của nội đạo.

Lại nữa, Tam-ma-địa Không có năng lực dẫn dắt pháp công đức và Thượng tọa, cho nên gọi là trú xứ của Thượng tọa. Pháp công đức của Thượng tọa, đó là đạo và đạo quả. Tam-ma-địa Không có năng lực dẫn dắt, bởi vì lực của pháp ấy thù thắng chứ không phải là pháp nào khác, là đối trị gần của Hữu thân kiến.

Lại nữa, Tam-ma-địa Không có năng lực làm cho thân tâm an trú bất động, cho nên gọi là trú xứ của Thượng tọa. Nghĩa là các hữu tình cho đến người chưa đạt được Tam-ma-địa Không, thân tâm tùy tiện vội vàng giống như gió bụi, nếu đạt được Định này thì thân tâm bất động yên lặng như núi.

Vì thế cho nên Tôn giả Diêu Âm nói rằng: “Nếu biết các pháp là Không-thân Vô ngã, và Giác tuệ đều không làm dao động, thì thân tâm an ổn vắng lặng, cho nên gọi là Thượng tọa. Vì thế nói Không là trú xứ của Thượng tọa.”

Lại nữa, các sư Du-già nếu trú trong Định Không thì tâm mình an trú, không vì sự vừa ý-không vừa ý, đáng yêu-không phải là đáng yêu, lợi ích-không phải là lợi ích, vốn có vui-vốn có khổ của thế gian làm cho lay động. Vì thế cho nên nói là trú xứ của Thượng tọa.

Nói đến Thượng tọa là bởi vì tâm an trú. Tại sao biết như vậy?

Như trong kinh nói: “Tôn giả Xá-lợi-tử gặp lúc thân mẫu qua đời và đệ tử cùng ở với mình hoàn tục, có Tỳ-kheo Bao Xỉ, thường đối với Tôn giả có tâm oán hận, nghe sự việc này rồi lập tức nói với Tôn giả Xá-lợi-tử rằng: Mẹ ông qua đời, đệ tử hoàn tục, ý ông thế nào vậy? Xá-lợi-tử nói: Mẹ tôi qua đời thì pháp sinh tử vốn như vậy, đệ tử hoàn tục thì phạm phu ngu muội đâu lạ gì? Tỳ-kheo Bao Xỉ trộm dấy lên ý niệm này: Tuy tự an ủi mình mà trong tâm nhất định phải buồn phiền sợ hãi. Lúc ấy Xá-lợi-tử phần nhiều trú trong Định Không, cho nên tuy nghe sự việc này mà tâm không dao động, vào sáng sớm khoác y ôm bát, đi vào thành Thất-la-phiệt khát thực theo thứ tự, ăn cơm đã xong trở về Thệ-đa-lâm thu xếp y bát, rửa tay chân xong lấy tào cụ (Ni sư đàn) vắt

trên vai trái, rời khỏi trú xứ của mình đi đến quăng rừng tối tăm, ngồi dưới một tán cây tiến vào Thiên định (Thiên trú) dấy lên tư duy này: Thế gian có thể có lúc sắc xinh đẹp đáng yêu thay đổi hư hoại, làm cho mình đau buồn sinh ra khổ não hay không? Tự mình quán sát kỹ càng cũng không có điều này. Vào lúc xế chiều trở về Thệ-đa-lâm, lúc bấy giờ A-nan gặp xá-lợi-tử liền hỏi Tôn giả từ nơi nào đến? Xá-lợi-tử nói từ quăng rừng tối tăm đến đây. A-nan lại hỏi Tôn giả ở chỗ ấy tiến vào những Định nào? Trả lời rằng tôi tiến vào định Tầm-Tứ. Lại hỏi trú vào Định ấy tìm hiểu suy nghĩ những điều gì? Lúc ấy Xá-lợi-tử đem tất cả sự việc trên mà trả lời.

A-nan liền hỏi Xá-lợi-tử rằng: Tôn giả thường nói nếu Phật Thế Tôn không xuất thế, thì chúng ta cứ làm kẻ không có mắt mà chết, Phật là sắc vi diệu đáng yêu giữa thế gian, nếu sẽ thay đổi hư hoại thì Tôn giả lẽ nào có thể không sinh lòng đau buồn khổ não hay sao? Xá-lợi-tử nói: Nếu có điều này thì cũng đâu phiền muộn buồn lo, chỉ dấy lên nghĩ thế này: Đức Thế Tôn diệt độ sao mà nahnh quá, ánh mắt của thế gian mất rồi thì ai có năng lực dẫn dắt? A-nan ca ngợi rằng: Khéo thay, khéo thay! Tôn giả khéo tu Tam-ma-địa Không, chấp Ngã-Ngã sở và Ngã mạn... đã đoạn biết khắp, như chặt đứt gốc cỏ-chặt đứt đầu cây đa-la, khiến cho nó về sau mãi mãi không mọc ra nữa. Sắc vi diệu của Đức Thế Tôn tuy sẽ thay đổi hư hoại, mà pháp hữu vi như vậy nào buồn phiền lo sợ gì.”

Vì vậy cho nên biết trú vào Định không thì tâm mình an trú, không vì sự trái thuận của thế gian làm cho lay động. Vì thế cho nên nói là trú xứ của Thượng tọa. Thế lực của Vô nguyện-Vô tướng thì không như vậy, cho nên không nói là trú xứ của Thượng tọa.

Như trong kinh nói: “Tôn giả Xá-lợi-tử ở trong một khu rừng thuộc nước Kiều-tát-la. Lúc ấy có ngoại đạo xuất gia vì mạng sống, cũng ở gần bên cạnh khu rừng ấy, cách khu rừng Tôn giả ở không xa. Trong các thôn ấp ven bìa rừng có lúc nói nhiều về lễ hội tháng Tư, lúc ấy ngoại đạo kia đi đến các thôn ấp, ăn thịt heo no nê mặc tình uống rượu thỏa thích, trộm mang phần còn lại quay về trong khu rừng, thấy Xá-lợi-tử ngồi dưới một tán cây. Do rượu mà đầu óc mơ màng cho nên khởi tâm khinh miệt, nay mình cùng với người kia tuy đều xuất gia, mà chỉ riêng mình giàu có vui sướng còn người kia thì nghèo thiếu khổ sở. Liền đến chỗ Tôn giả nói ba bài tụng này:

Rượu thịt ăn uống tôi đã no, lại trộm mang phần còn lại về,
Cây cỏ núi rừng trên mặt đất, đều nhìn thấy giống như đóng

vàng.

Lúc ấy Xá-lợi-tử nghe rồi nghĩ rằng: Ngoại đạo này có chết cũng không có chút hổ thẹn, mới có thể bất chấp đạo lý mà nói bài tụng này, nay mình cũng cần phải đối với kẻ ấy để nói bài tụng. Dấy lên nghĩ vậy rồi liền nói bài tụng rằng:

“Ta thường xuyên no nê Vô tướng, luôn luôn ở trong cửa Định Không,

Cây cỏ núi rừng trên mặt đất, đều nhìn thấy giống như nước bọt.”

Nay trong bài tụng này, Tôn giả Xá-lợi-tử làm bậc Sư tử hống, nói về ba Giải thoát môn, nghĩa là ở câu thứ nhất nói về Vô tướng Giải thoát môn, ở câu thứ hai nói về Không Giải thoát môn, ở hai câu sau nói về Vô nguyện Giải thoát môn.

Hỏi: Lúc ấy thân mạng của ngoại đạo kia hãy còn tồn tại, vì sao tùy tiện nói là ngoại đạo chết này?

Đáp: Nên biết rằng chữ Chết là xem như sự việc xấu xa thấp hèn. Lại nữa, ngoại đạo kia không có tuệ mạng, cho nên nói là chết.

Trong này, Tam-ma-địa Vô tướng, đó là thanh Vô tướng mà nói về nhiều loại nghĩa, hoặc đối với Tam-ma-địa Không mà nói thanh Vô tướng. Như vậy, hoặc đối với Kiến đạo, hoặc đối với Bất động tâm giải thoát, hoặc đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc đối với chính Tam-ma-địa Vô tướng mà nói thanh Vô tướng.

Đối với Tam-ma-địa Không mà nói thanh Vô tướng, như trong kinh nói: “Có một Tỳ kheo đạt được Định thuộc tâm Vô tướng, nhưng căn tánh chậm chạp cho nên không biết Định này có quả báo gì-có lợi ích thù thắng gì? Vị ấy dấy lên nghĩ vậy: Tôn giả A-nan được Đức Phật và các đệ tử thường khen ngợi, mình nên đến chỗ Tôn giả để hỏi! Lại dấy lên ý nghĩ này: Tôn giả A-nan dễ dàng biết rõ tướng của Thanh, nếu gặp mình hỏi thì nhất định phải hỏi lại mình, ông đã đạt được pháp này mà hỏi về Định chẳng? Nếu trả lời rằng đạt được, thì trở thành tự mình biểu lộ pháp thù thắng đã đạt được, trái với hạnh ít ham muốn; nếu nói là không đạt được, thì lời nói dối trá không thật; nếu đưa ra lời nói khác, thì đều là phạm lỗi làm phiền muộn gây rắc rối đến bậc Tỳ kheo Thượng tọa, trái ngược với quy cách phép tắc! Lại dấy lên ý nghĩ này: Mình nên tùy theo Tôn giả A-nan, nếu vì người khác mà nói về sự việc của Định này, thì mình cũng được nghe. Thế là đi theo sáu năm trời rỗng rã nhưng không nghe nói đến, vị ấy hoài nghi đã lâu cho nên quyết định hỏi rằng: Nếu có người đạt được Định thuộc tâm Vô tướng

mà không chìm xuống-không nổi lên, thâm nhiếp giữ gìn các hành như bờ đê giữ nước, giải thoát cho nên an trú-an trú cho nên giải thoát, thì Đức Phật nói Định này có quả báo gì, có lợi ích thù thắng gì? A-nan nghe rồi liền hỏi vặn lại rằng: Ông đạt được Định này chẳng? Vị ấy dấy lên ý nghĩ này: Xưa mình đã suy nghĩ, nay quả nhiên gặp phải. Liền đứng im lặng không nói gì. A-nan nói cho biết rằng: “Đức Phật nói Định này được hiểu rõ về quả báo-được hiểu rõ về lợi ích thù thắng, hiểu rõ nghĩa là trí phát sinh tu đạo-không còn lậu, ông cũng không bao lâu sẽ đạt được điều này.”

Trong này, không chìm xuống là bởi vì đạt đoạn Ngã kiến, không nổi lên là bởi vì đã đoạn Ngã sở kiến. Lại nữa, không chìm xuống là bởi vì đã đoạn năm Ngã kiến, không nổi lên là bởi vì đã đoạn mười lăm Ngã sở kiến.

Như Ngã kiến-Ngã sở kiến, thấy mình-thấy của mình, Ngã ái-Ngã sở ái, yêu mình-yêu của mình, Ngã si-Ngã sở si, si mê mình-si mê của mình, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, không chìm xuống là bởi vì đạt được Niết-bàn, không nổi lên là bởi vì rời bỏ sinh tử. thâm nhiếp giữ gìn các hành, là khởi lên nhiều gia hạnh, sử dụng nhiều công lực, tác ý rất thiện cho nên đạt được Định này. Như bờ đê ngăn nước, như nước từ nguồn suối chảy ra chậm chậm tràn vào trong hồ, bờ đê ngăn giữ dòng nước khiến cho không chảy mất. Như vậy Định này tùy theo một cảnh mà chuyển, đầy khắp cảnh này liền dừng lại chứ không phân tán. Giải thoát cho nên an trú, là tự tánh giải thoát. An trú cho nên giải thoát, là nối tiếp nhau giải thoát. Định này quán xét không có tướng của Ngã-Ngã sở, cho nên gọi là Vô tướng là thật sự là Không. Bởi vì Tỳ kheo ấy không chuyên tu về Định này, có thể ban đầu chứng thực tiến vào Chánh tánh ly sinh, vào lúc cuối cùng hết sạch các lậu. Trong kinh Pháp Ấn nói: “Nếu quán xét tướng của Sắc-Thanh-Hương-Vị-Xúc, mà rời bỏ các tướng thì gọi là Định Vô tướng.” Đó là quán về tướng của cảnh giới mà rời bỏ tướng của hữu tình, nghĩa là dùng Định Không để quán xét các pháp như Sắc..., rời bỏ tướng về hữu tình, cho nên ở trong đó cũng không có nam nữ...

Vì vậy Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Các tướng về hữu tình dựa vào tướng của cảnh giới, quán xét về tướng của cảnh rời bỏ tướng về hữu tình, không có tướng nam nữ cho nên gọi là Định Vô tướng, mà thật sự là thuộc về Tam-ma-địa Không.”

